TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 51/2021/QĐST-DSST	*T, ngày 08 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Áp dụng Điều 357 và Điều 323 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 214 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, mục 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 35/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

**** Nguyên đơn: NGÂN HÀNG TMCP KỸ TH VIỆT NAM;***

Địa chỉ: 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị Khánh L - Cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Kỹ tH Việt Nam;

(Theo Giấy ủy quyền số 851/2019/UQ –TCB ngày 19/8/2019)

2. Bị đơn: Anh Vũ K, sinh năm 1973;

Chị Kiều Thị H, sinh năm 1977;

Cùng trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội.

Chị H là người đại diện theo ủy quyền của anh K theo Giấy ủy quyền ngày 03/4/2021.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Kiều Việt C , sinh năm 1952;

- Bà Khuất Thị T , sinh năm 1953;

- Anh Kiều Cao P , sin hnăm 1979;

- Chị Phùng Thị Đ , sinh năm 1985;

- Cháu Kiều Hà M , sinh năm 2005 (con anh P , chị Đ);

- Cháu Kiều Thanh P1, sinh năm 2009 (con anh P , chị Đ);

- Cháu Kiều Thanh L , sinh năm 2015 (con anh P , chị Đ);

- Anh Kiều Cao Đ1, sinh năm 1982;

- Chị Nguyễn Thị T , sinh năm 1983;

- Cháu Kiều Minh Q , sinh năm 2006 (con ông Đ1, bà T);

- Cháu Kiều Thảo L , sinh năm 2008 (con ông Đ1, bà T);

Cùng trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội.

Anh Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông C , bà T , anh P , chị Đ , chị T t theo Hợp đồng ủy quyền số chứng thực 19 quyển số 01/2021 – SCT/HĐ,GD ngày 31/5/2021.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Vũ K và chị Kiều Thị H có trách nhiệm trả TMCP Kỹ TH Việt Nam số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 2481/HĐTD/TH-TN/TCB-HTY ngày 28/02/2011, tính đến hết ngày 15/4/2021 gồm:

Nợ gốc:	296.518.000 đồng;
Nợ lãi trong hạn:	117.698.440 đồng;
Nợ lãi quá hạn:	438.246.790 đồng;
Lãi phạt:	213.470.717 đồng
Tổng:	1.065.933.947đồng;

Bằng chữ: Một tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng.

Ngân hàng TMCP Kỹ TH Việt Nam miễn lãi phạt cho anh K và chị H. Vì vậy, số tiền anh K và chị H phải trả Ngân hàng TMCP Kỹ TH Việt Nam tính đến hết ngày 15/4/2021 là **852.463.230 đồng** (Tám trăm năm mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm ba mươi đồng).

2.2. Anh Vũ K và chị Kiều Thị H tiếp tục phải trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 16/4/2021 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 2481/HĐTD/TH-TN/TCB-HTY ngày 28/02/2011. Trường hợp Ngân hàng TMCP Kỹ TH Việt Nam có điều chỉnh lãi suất thì mức lãi suất anh Vũ K và chị Kiều Thị H phải trả cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng TMCP Kỹ TH Việt Nam.

2.3. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật anh Vũ K và

chị Kiều Thị H không trả hết nợ hoặc bên thế chấp không tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm thì Ngân hàng TMCP Kỹ TH Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại khối tài sản mà ông Kiều Việt C và bà Khuất Thị T đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Kỹ TH Việt Nam để thu hồi toàn bộ khoản nợ là: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Kiều Việt C và bà Khuất Thị T đối với thửa đất số: 179; tờ bản đồ số: 12; diện tích: 209 m^2; tại địa chỉ: thôn 2 (thôn Rộc Đoài cũ), xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội. Theo GCN QSDĐ số S286716; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số 00035/QSDĐ/1514/QĐUB-H do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 30/9/2004. Đính chính thông tin chủ sử dụng đất ngày 23/12/2010 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, Thành phố Hà Nội cho ông Kiều Việt C . Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 980.2011/HĐTC Quyển 01.2011 ký ngày 28/2/2011 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội.

Trường hợp toàn bộ khối tài sản thế chấp sau khi xử lý phát mại mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ TH Việt Nam thì anh Vũ K và chị Kiều Thị H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ TH Việt Nam cho đến khi tất toán khoản vay.

2.4. Về án phí: Anh Vũ K và chị Kiều Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 18.786.900 đồng (Mười tám triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Kỹ TH Việt Nam số tiền 19.568.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0011985 ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- THADS huyện T;
- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy